

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2024/HSST

Ngày: 16/8/2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI – TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Hồng Lễ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1, Ông Phạm Văn Ngọ.

2, Bà Hoàng Thị Thanh Tú.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Thị Hoài Nụ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 16/8/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 46/2024/HSST, ngày 24/6/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/QĐXXST- HS, ngày 12/7/2024, đối với bị cáo:

Bàn Thị G, sinh ngày 13/10/1980, tại huyện C, Bắc Kạn;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Không đi học; dân tộc: Dao; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bàn Sinh T (đã chết) và bà Triệu Thị S; có chồng là Hoàng Phúc T1, sinh năm 1975 và 02 con (lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 1998); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam: Không – Có mặt tại phiên tòa.

*** Nguyên đơn dân sự:** Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn;

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Dương Văn H – Phó Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện C, tỉnh Bắc Kạn – Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn;

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Triệu Văn N – Công chức địa chính xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn – Có mặt.

2. Ông Hoàng Phúc T1, sinh năm 1975;

Địa chỉ : Thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng cuối tháng 8 âm lịch (đầu tháng 10 dương lịch) năm 2023, Bàn Thị G một mình sử dụng cưa lóc cầm tay và dao đến khu R thuộc Lô C, Lô C, Khoảnh 8, Tiểu khu C Bản đồ quy hoạch ba loại rừng xã T tại thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, là rừng phòng hộ và thực hiện phát phá một đám rừng với mục đích trồng cây mỡ và hồi. Đến tháng 10 năm 2023, lực lượng Kiểm lâm tiến hành kiểm tra và phát hiện vụ việc.

Ngày 17/10/2023, Hạt Kiểm lâm huyện C phối hợp với các cơ quan có liên quan tiến hành khám nghiệm hiện trường vụ việc. Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định, khu rừng bị phát phá thuộc lô 30, lô 35 khoảnh 8, tiểu khu C Bản đồ quy hoạch ba loại rừng theo Quyết định số 1794/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh B, diện tích bị phát phá là 5.213m², rừng bị phát phá thuộc loại rừng phòng hộ, là rừng tự nhiên trạng thái TXB (*rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh trung bình*). Số lượng lâm sản bị cắt hạ là 121 cây gỗ tự nhiên (từ nhóm VI đến nhóm VIII) có khối lượng 21,331m³ và 4.236 cây Vầu có đường kính gốc từ 03 cm đến 05 cm, dài 04m đến 07m.

Quá trình điều tra xác định khu rừng bị Bàn Thị G phát phá thuộc Lô C, Lô C, Khoảnh 8, Tiểu khu C Bản đồ quy hoạch ba loại rừng theo Quyết định số 1794/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh B (thửa 158 tờ bản đồ số 3 Bản đồ địa chính đất Lâm nghiệp xã T), thuộc thôn Bản L, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, loại rừng phòng hộ, là rừng tự nhiên, thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C kết luận: Giá trị thiệt hại phải bồi thường khi có hành vi vi phạm pháp luật gây thiệt hại về rừng đối với việc phát phá rừng trái phép tại lô 30 và lô 35, khoảnh 8 Tiểu khu C Bản đồ quy hoạch ba loại rừng theo Quyết định số 1794/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh B thuộc thôn Bản L, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn và thời điểm phát hiện ngày 06/10/2023. Diện tích rừng bị phát, phá là 5.213m² (chưa đốt cháy), chức năng là rừng phòng hộ, trạng thái TXB là 73.587.000^d (*Bảy mươi*

ba triệu, năm trăm tám bảy nghìn đồng); Giá trị của 121 cây gỗ bị cưa, chặt đổ thuộc loại gỗ thông thường, tự nhiên nhóm VI, VII, VIII với tổng khối lượng $21,331\text{m}^3$ để tại hiện trường xảy ra vụ việc là $6.399.300^d$ (*Sáu triệu, ba trăm chín mươi chín nghìn, ba trăm đồng*); Giá trị của 4.236 cây V có đường kính gốc từ 3cm đến 5cm, chiều dài từ 4m đến 7m để tại hiện trường xảy ra vụ việc là 847.200^d (*T2 trăm bốn mươi bảy nghìn, hai trăm đồng*). Tổng giá trị thiệt hại là $80.833.500^d$ (*T2 mươi triệu, tám trăm ba mươi ba nghìn, năm trăm đồng*).

Tại Cơ quan điều tra Bàn Thị G khai nhận: Khoảng tháng 10 năm 2023, G thực hiện phát phá rừng nhằm mục đích lấy đất trồng cây mỡ và cây hời. Việc phát phá rừng chỉ một mình Ghén thực hiện không có ai phát hộ và phát thuê, không bàn bạc với ai trong gia đình và cũng không ai biết. Trước khi phát phá rừng, G không xin phép cơ quan có thẩm quyền, việc phát phá được thực hiện từ sau rằm tháng 8 âm lịch và kéo dài trong khoảng 1 tuần. G khai nhận công cụ dùng phát phá là 01 cưa máy cầm tay và 01 con dao, là tài sản chung của gia đình.

Với các hành vi nêu trên, tại bản cáo trạng số 25/CT-VKS, ngày 21/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố bị cáo Bàn Thị G về tội "*Hủy hoại rừng*" theo điểm c khoản 1 Điều 243/BLHS.

Điều luật có nội dung:

"1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) ...;

c) Rừng phòng hộ có diện tích từ 3.000 mét vuông (m^2) đến dưới 7.000 mét vuông (m^2);

...

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm."

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới vẫn giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Bàn Thị G phạm tội "*Hủy hoại rừng*".

Về hình phạt: Đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 65/BLHS, xử phạt bị cáo Bàn Thị G từ 18 tháng đến 24 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi,

thời hạn được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát trong thời gian thử thách.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48/BLHS và các Điều 584, 585, 586, 589/BLDS. Buộc bị cáo phải bồi thường cho UBND huyện C, tỉnh Bắc Kạn số tiền 73.587.000^d. Được trừ đi số tiền 2.000.000^d mà bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới. Bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền 71.587.000^d (*Bảy mươi mốt triệu, năm trăm tám bảy nghìn đồng*).

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47/BLHS và Điều 106/BLTTHS.

- Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước 01 chiếc cửa lóc.
- Tịch thu tiêu hủy 01 con dao.
- Tạm giữ số tiền 2.000.000^d (*Hai triệu đồng*) để thi hành án.

Quá trình tranh luận: Bị cáo; người đại diện của nguyên đơn dân sự; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Kết thúc phần tranh luận bị cáo nói lời sau cùng là xin Hội đồng xét xử cho hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:* Các hành vi, quyết định tố tụng và các chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng theo quy định của pháp luật.

[2] *Về hành vi phạm tội của bị cáo:* Vào khoảng thời gian đầu tháng 10 năm 2023, Bàn Thị G có dự định trồng cây mỡ và cây hời tại khu rừng thuộc lô 30, lô C, Khoảnh 8, Tiểu khu C (*Bản đồ quy hoạch ba loại rừng theo Quyết định số 1794/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh B*) thuộc thôn Bản Lù, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, nên G đã sử dụng cửa lóc, dao đi lên khu rừng trên để phát phá (phát trắng) một đám rừng tại khu vực trên, diện tích phát phá là 5.213m²,

thiệt hại về lâm sản với tổng khối lượng gỗ là 21,331m³ có giá trị là 6.399.300^d (*Sáu triệu, ba trăm chín mươi chín nghìn, ba trăm đồng*) và 4.236 cây Vầu có giá trị là 847.200^d (*T2 trăm, bốn mươi bảy nghìn hai trăm đồng*), tổng giá trị thiệt hại về lâm sản là 7.246.500^d (*Bảy triệu, hai trăm bốn mươi sáu nghìn, năm trăm đồng*). Thiệt hại về môi trường rừng là 73.587.000^d (*Bảy mươi ba triệu, năm trăm tám bảy nghìn đồng*). Tổng giá trị thiệt hại là **80.833.500^d** (*T2 mươi triệu, tám trăm ba mươi ba nghìn, năm trăm đồng*). Theo bản đồ địa chính đất Lâm nghiệp xã T, khu rừng bị phát phá thuộc thửa số 158 tờ bản đồ số 3 là loại rừng phòng hộ, là rừng tự nhiên trạng thái TXB (rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh trung bình), do Ủy ban nhân dân xã T quản lý. Khi thực hiện hành vi phát phá, không được Cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo Bàn Thị G đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên.

Tổng hợp các chứng cứ lại, đánh giá diễn biến khách quan của vụ án thấy việc truy tố, xét xử bị cáo Bàn Thị G về tội “*Hủy hoại rừng*” theo điểm c khoản 1 Điều 243/BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét tính chất hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm đến những quy định của Nhà nước về bảo vệ rừng; gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an xã hội tại địa phương. Vì vậy cần phải xử lý bằng pháp luật hình sự nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo: Bị cáo Bàn Thị G có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào; được hưởng tình tiết giảm nhẹ là “*Tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại*” và “*Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51/BLHS. Mặt khác bị cáo có bố đẻ là ông Bàn Sinh T là người hoạt động kháng chiến, bị nhiễm chất độc hoá học, là thương binh hạng 4/4; đồng thời tại phiên tòa đại diện nguyên đơn dân sự đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Bởi vậy khi lượng hình được xem xét giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51/BLHS.

Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đồng thời mục đích phát phá rừng của bị cáo nhằm trồng các loại cây để phát triển kinh tế gia đình. Vì vậy đối với bị cáo trong vụ án này không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương thì vẫn có tính giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] *Hình phạt bổ sung*: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, tài sản riêng và nguồn thu nhập ổn định nào, khi áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền thì không có tính khả thi, vì vậy không áp dụng đối với bị cáo.

[5] *Về trách nhiệm dân sự*: Tại cơ quan điều tra và tại phiên toà ngày hôm nay, người đại diện cho Nguyên đơn dân sự yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho UBND huyện C, tỉnh Bắc Kạn tổng số tiền là 73.587.000^d (*Bảy mươi ba triệu, năm trăm tám bảy nghìn đồng*) là giá trị thiệt hại về rừng đối với việc phát phá rừng trái phép tại lô 30 và lô 35, khoảnh 8 tiểu khu C là rừng phòng hộ thuộc thôn bản L, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Xét thấy yêu cầu của Nguyên đơn dân sự là có cơ sở, vì vậy buộc bị cáo phải bồi thường cho UBND huyện C, tỉnh Bắc Kạn số tiền trên.

Đối với 121 cây gỗ tự nhiên (từ nhóm VI đến nhóm VIII) có khối lượng 21,331m³ có trị giá là 6.399.300^d (*sáu triệu, ba trăm chín mươi chín nghìn, ba trăm đồng*) và 4.236 cây Vầu có đường kính gốc từ 03 cm đến 05 cm, dài 04m đến 07m có trị giá là 847.200^d (*tám trăm, bốn mươi bảy nghìn hai trăm đồng*). Cơ quan Điều tra đã trả cho UBND huyện C, nên không yêu cầu bị cáo bồi thường.

[6] *Về vật chứng*: - Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo 01 (một) chiếc cưa lóc (cưa xăng) cũ, đã qua sử dụng và 01 (một) con dao quắm có tay nắm bằng gỗ, đã qua sử dụng. Qua điều tra xác định chiếc cưa và con dao trên là tài sản chung của bị cáo và chồng là ông Triệu Phúc T3 là công cụ sử dụng vào việc phạm tội. Tại cơ quan điều tra và tại phiên toà ông T3 không yêu cầu trả lại. Vì vậy cần tịch thu hoá giá sung quỹ Nhà nước đối với chiếc cưa, còn con dao không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu huỷ.

- Đối với 121 cây gỗ tự nhiên (từ nhóm VI đến nhóm VIII) có khối lượng 21,331m³ và 4.236 cây Vầu có đường kính gốc từ 03 cm đến 05 cm, dài 04m đến 07m đã được Cơ quan điều tra trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là UBND huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

- Đối với số tiền 2.000.000^d (*Hai triệu đồng*) mà bị cáo nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện C ngày 24/6/2024 nhằm để bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, cần tạm giữ để thi hành án.

[6] *Về án phí*: Do bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo được miễn toàn bộ án phí hình sự, dân sự sơ thẩm.

[7] Đối với ông Triệu Phúc T là người có tài sản chung gồm 01 chiếc cưa lóc và 01 con dao với bị cáo Bàn Thị G, do ông T3 không cho và cũng không biết bị cáo sử dụng chiếc cưa và con dao vào việc phạm tội, nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Bàn Thị G phạm tội: *“Huỷ hoại rừng”*

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65/BLHS.

+ Xử phạt bị cáo Bàn Thị G 18 (Mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (Ba mươi sáu) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Nếu bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: - Áp dụng Điều 48/BLHS và các Điều 584, 585, 586, 589/BLDS.

+ Buộc bị cáo Bàn Thị G phải bồi thường cho UBND huyện C, tỉnh Bắc Kạn tổng số tiền là 73.587.000^d (*Bảy mươi ba triệu, năm trăm tám bảy nghìn đồng*). Được trừ đi số tiền 2.000.000^d (*Hai triệu đồng*) mà bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn theo biên lai số 0001335, ngày 24/6/2024. Bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền 71.587.000^d (*Bảy mươi một triệu, năm trăm tám bảy nghìn đồng*).

Việc thi hành án khoản tiền bồi thường trên được thực hiện theo Điều 357/BLDS:

“1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.”

3. Về vật chứng: - Áp dụng Điều 47/BLHS và Điều 106/BLTTHS.

+ Tịch thu hoá giá sung quỹ Nhà nước 01 (một) chiếc cửa lóc (cửa xăng) cũ, đã qua sử dụng, vỏ máy màu cam, tay cầm bằng nhựa màu đen, thân máy có dòng chữ MASTER SPECIAL 365, có lam xích rời khỏi thân máy, lam xích có chiều dài 47cm, bản rộng trung bình 7,5cm, han gỉ.

+ Tịch thu tiêu huỷ 01 (một) con dao quắm, cán dao bằng gỗ, có chiều dài 19cm, đường kính trung bình 03cm, phần chuôi dao và lưỡi dao làm bằng kim loại, han gỉ, chuôi dao dài 10cm, lưỡi dao dài 25cm, bản rộng trung bình 04cm, đã qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng như biên bản bàn giao giữa Công an và Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn ngày 03/7/2024).

+ Tạm giữ số tiền 2.000.000^d (Hai triệu đồng) mà bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn theo biên lai số 0001335, ngày 24/6/2024 để thi hành án.

4. Về án phí: - Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

+ Bị cáo Bàn Thị G được miễn toàn bộ án phí hình sự, dân sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

5. Về quyền kháng cáo: - Áp dụng Điều 331, 333/BLTTHS

+ Bị cáo; Nguyên đơn dân sự; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS tỉnh;
- VKSND huyện;
- CQTHAHS Công an huyện;
- CQCSĐT Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Sở tư pháp tỉnh;
- UBND xã T;
- Bị cáo; Nguyên đơn dân sự;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Hồ sơ, lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vi Hồng Lễ

